

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 30/7/2024)

TNG

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../SGDCK- QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp
ngày ... tháng ... năm ...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày
...../...../2025.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Địa chỉ: Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.856425

Fax: 02083.852060

Website: <https://tng.vn/>

Email: info@tng.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đào Đức Thanh

Chức vụ: Người đại diện công bố thông tin

Điện thoại: 02083.856425

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 30/07/2024)



NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu	: Trái phiếu TNGH2428001
Loại trái phiếu	: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo một phần bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
Mã trái phiếu	: TNG124027
Ngày đáo hạn	: 25/11/2028
Lãi suất	- Lãi suất áp dụng cho 04 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là: 9,5%/năm - Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “ Ngân Hàng Tham Chiếu ” và gọi chung là “ Các Ngân Hàng Tham Chiếu ”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“ Lãi Suất Tham Chiếu ”) cộng với (ii) biên độ 3,5%/năm.
Kỳ trả lãi	: 3 tháng/lần
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng trái phiếu niêm yết	: 4.000.000 (Bốn triệu) trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu niêm yết (theo mệnh giá)	: 400.000.000.000 (Bốn trăm tỷ) đồng

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 02473.045688

Website : [https://deloitte.com./](https://deloitte.com/)

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận
Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (024) 7304 5688
Website : <https://mbs.com.vn/>

3. TỔ CHỨC CUNG CẤP CHỨNG THƯ ĐỊNH GIÁ

Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản Việt Nam

Địa chỉ: T5 (LK11B*-5) Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố
Hà Nội

Điện thoại: 0986689038

Website: www.giamdinhthamdinh.vn

4. TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings

Địa chỉ: Số 78-80 Lê Văn Thiêm, Khu phố Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, Quận 7,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 5410 6239

Website: www.saigonratings.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1. Rủi ro về kinh tế.....	9
2. Rủi ro về luật pháp.....	13
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	14
4. Rủi ro về quản trị công ty	16
5. Rủi ro khác.....	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	18
1. Tổ chức niêm yết	18
2. Tổ chức Tư vấn.....	18
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	19
1. Các khái niệm	19
2. Các nhóm từ viết tắt.....	21
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	23
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	23
2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	39
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	40
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	52
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	54
6. Hoạt động kinh doanh.....	58
7. Kết quả hoạt động kinh doanh	77
8. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành	80
9. Chính sách đối với người lao động.....	84
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ	87
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	88
12. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	96
13. Tài sản.....	109
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	111
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	113
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết....	114
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có)	116
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	118
1. Mã Trái Phiếu	118

2. Tên Trái Phiếu	118
3. Loại chứng khoán	118
4. Mệnh giá	118
5. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết.	118
6. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	118
7. Ngày phát hành	118
8. Ngày đáo hạn	118
9. Xếp hạng tín nhiệm.....	118
10. Kỳ hạn Trái Phiếu	118
11. Lãi Trái Phiếu	119
13. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	124
14. Phương thức thực hiện quyền	125
15. Mục đích sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu	133
16. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết	135
17. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo.....	136
18. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	142
19. Các loại thuế có liên quan.....	142
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	144
VII. PHỤ LỤC	145

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty	27
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	52
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của TNG tại ngày chốt 17/03/2025.....	54
Bảng 4: Danh sách công ty con của TNG tại thời điểm 31/12/2023.....	55
Bảng 5: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của TNG tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025.....	55
Bảng 6: Các đơn vị trực thuộc công ty	58
Bảng 7: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2023 và năm 2024	61
Bảng 8: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2023*	61
Bảng 9: Doanh thu theo sản phẩm năm 2023 (Công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025.....	62
Bảng 10: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2023*	63
Bảng 11: Lợi nhuận theo sản phẩm năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025.....	63
Bảng 12: Nguyên liệu đầu vào chính của TNG	65
Bảng 13: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty.....	65
Bảng 14: Phế phẩm TNG thu gom và chuyển giao phế liệu cho đơn vị khác tái chế.....	66
Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (hợp nhất)*	67
Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	68
Bảng 17: Cơ cấu chi phí theo hoạt động kinh doanh năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025	69
Bảng 18: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty	71
Bảng 19: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện	74
Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025.....	77
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2023*	78
Bảng 22: Các chỉ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp trong cùng ngành	83
Bảng 23: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024.....	84
Bảng 24: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây	87
Bảng 25: Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình	88
Bảng 26: Thu nhập bình quân của nhân sự TNG	89
Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của TNG.....	90
Bảng 28: Tình hình trích lập các quỹ của TNG	90
Bảng 29: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn của TNG tại 31/12/2023 (hợp nhất)*	91
Bảng 30: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025	92
Bảng 31: Chi tiết các khoản phải thu của TNG.....	93
Bảng 32: Nợ xấu của Tổ Chức Phát Hành (hợp nhất) tại ngày 31/12/2023*.....	94
Bảng 33: Nợ xấu của TNG tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025	94
Bảng 34: Chi tiết các khoản phải trả của TNG.....	94
Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TNG	95
Bảng 36: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2023.....	110
Bảng 37: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2023	110

Bảng 38: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024*	110
Bảng 39: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2025.....	111
Bảng 40: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của TNG	111
Bảng 41: Tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2025 của TNG	113
Bảng 42: Danh sách các hợp đồng thuê đất	114
Bảng 43: Các trái phiếu khác đã phát hành nhưng chưa đến hạn của TNG.....	116
Bảng 44: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	133

DANH MỤC BIỂU ĐỒ VÀ HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2024 (%).....	9
Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2011-2024 (%).....	11
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	39
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Đăng Ký Niêm Yết.....	41
Hình 5: Các sản phẩm may mặc chính.....	59
Hình 6: Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty	71
Hình 7: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2011-2024).....	135

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

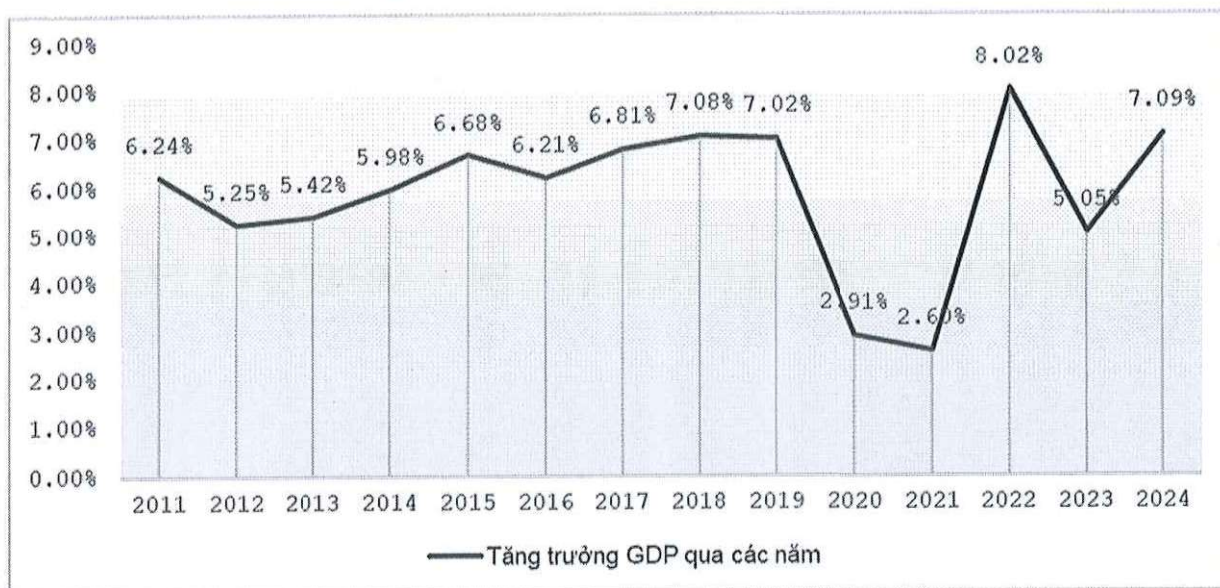
1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách tài khóa và tiền tệ.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2024 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước,

đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025.

Năm 2024, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tình hình kinh tế vĩ mô có thể chịu ảnh hưởng từ các biến động tiêu cực từ kinh tế thế giới như: xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. GDP của Việt Nam ước tính tăng trưởng 7,09%¹ năm 2024 so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Kinh tế năm 2024 của Việt Nam đạt được kết quả khá tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, xung đột vũ trang giữa Nga và U-crai-na tiếp tục kéo dài, bất ổn chính trị tại Trung Đông; cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn; thiên tai; dịch bệnh, ...

Ngày 02/04/2025 theo giờ Mỹ, Tổng thống Hoa Kỳ công bố chính sách thuế quan mới, dự kiến áp thuế cơ bản 10% với hàng nhập khẩu từ tất cả các quốc gia từ ngày 05/04/2025 và áp thuế đối ứng theo từng đối tác từ ngày 09/04/2025, trong đó hàng hóa từ Việt Nam chịu thuế 46%. Tuy nhiên, vào ngày 09/04/2025, chính quyền Mỹ đã thông báo hoãn áp dụng các mức thuế đối ứng này trong 90 ngày, trong khi mức thuế cơ bản 10% vẫn được duy trì. Chính sách thuế quan mới của Mỹ, áp dụng mức thuế lên đến 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, đang gây ra những tác động sâu rộng đến nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là ngành dệt may. Ngành dệt may, vốn xuất khẩu hơn 43,5 tỷ USD trong năm 2024 và chiếm khoảng 40% thị phần tại thị trường Mỹ, đang chịu ảnh hưởng nặng nề. Việc áp thuế cao khiến chi phí sản phẩm tăng, giảm sức cạnh tranh và có nguy cơ mất đơn hàng. TNG có tỷ lệ doanh thu từ thị trường Mỹ là 38% năm 2024 sẽ có khả năng phải đối mặt với áp lực lớn về doanh thu và lợi nhuận.

Bên cạnh đó, các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn như Bangladesh, Myanmar, Campuchia, Ấn Độ đều đang nằm trong danh sách tăng thuế, dẫn đến mặt bằng giá nhập khẩu nhóm hàng này tăng chung tại Mỹ. Trung Quốc – nhà xuất khẩu dệt may lớn nhất vào Mỹ – đối mặt mức thuế lên đến 125%, sẽ khiến nguồn cung dệt may từ Trung Quốc suy giảm mạnh. Nhu cầu dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc được dự báo sẽ gia tăng, và Việt Nam có

¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê tại: <https://datacollection.gso.gov.vn/tong-cuc-thong-ke-hop-bao-cong-bo-so-lieu-thong-ke-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-nuoc-ta-quy-iv-va-ca-nam-2024>

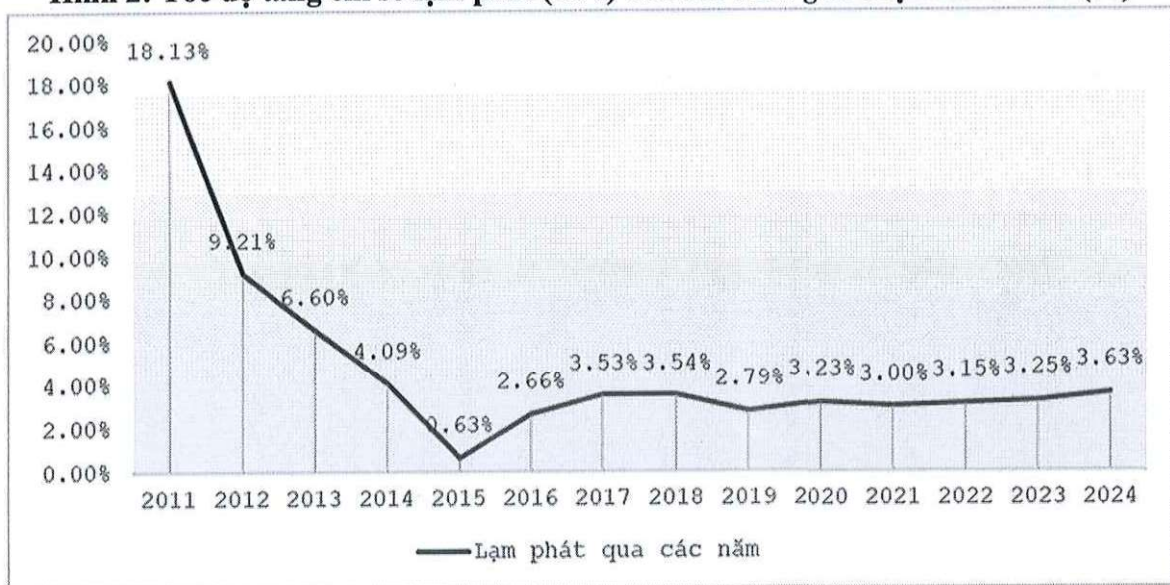
thể là một trong những điểm đến thay thế hấp dẫn nhờ năng lực sản xuất ổn định, chất lượng tốt và nguồn lao động lành nghề. Đây đồng thời là cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam nói chung và TNG nói riêng trong trung và dài hạn.

Tóm lại, ngành dệt may là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào kinh tế thế giới và nhu cầu tiêu dùng toàn cầu. Biến động kinh tế như chính sách thuế quan mới của Mỹ, căng thẳng thương mại, chiến tranh và bất ổn địa chính trị đã và đang làm gia tăng rủi ro cho ngành. Đặc biệt, chính sách thuế mới từ Mỹ có thể khiến chi phí xuất khẩu sang thị trường lớn nhất của ngành tăng mạnh, ảnh hưởng đến đơn hàng, lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Những yếu tố này nằm ngoài khả năng kiểm soát và dự báo của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và có khả năng ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không lường trước được cũng như không thể nhận biết đầy đủ và toàn diện các rủi ro.

1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2011-2024 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội thông qua cho năm 2024 ở mức từ 4%-4.5%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm

sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Trong quý I/2025, thị trường hàng hóa toàn cầu có nhiều biến động do tình hình chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn. Xung đột tại U-crai-na và khu vực Trung Đông tiếp tục diễn biến phức tạp. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ đang tạo ra những thách thức mới cho thương mại toàn cầu. Trong nước, hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ duy trì theo hướng tăng trưởng ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. CPI bình quân quý I tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2024.

Năm 2025, áp lực lạm phát có thể đến từ một số yếu tố, cụ thể như chính sách thuế quan mới từ Mỹ xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế của Mỹ, ...

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và sản xuất dệt may nói riêng. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng. Nếu mức tăng giá của thành phẩm không đủ để bù mức tăng giá của chi phí đầu vào thì tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị giảm tương ứng. Do vậy, tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trên nhiều góc độ như chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận hành, chính sách giá bán và khả năng cạnh tranh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và các đối thủ cạnh tranh khác trên khắp thế giới.

Tuy nhiên, lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp nhưng các biến động về tỷ lệ lạm phát là không thể lường trước được và luôn tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Theo Quyết định số 1123/QĐ-NHNN ngày 16/06/2023, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định giảm lãi suất tái cấp vốn từ 5% xuống 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5%/năm.

Tính đến tháng 4/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, NHNN đã giảm lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá trên thị trường mở (OMO) từ 4,5% xuống 4,25%/năm vào tháng 8/2024, và tiếp tục hạ xuống 4%/năm vào tháng 9/2024. Động thái này phản ánh nỗ lực của NHNN trong việc cung cấp thanh khoản cho hệ thống ngân hàng với chi phí thấp hơn, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay, qua đó thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã có những tín hiệu cắt giảm lãi suất trong năm 2024 và dự kiến tiếp tục cắt giảm lãi suất đến năm 2026, điều này có thể tăng khả năng Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét nới lỏng chính sách tiền tệ. Trong năm 2024 Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế.

Doanh thu của TNG chủ yếu đến từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ do vậy những biến động về tình hình lãi suất, kinh tế, làm phát của các thị trường này sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của TNG. Trong nước, mặt bằng lãi suất cho vay giảm, ổn định thị trường ngoại hối tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng trưởng tín dụng đạt khá.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của TNG. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với TNG nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, TNG chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang

được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết còn phải tuân thủ theo các quy định của luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, TNG phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Tính đến tháng 4 năm 2025, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) đối với hàng dệt may Việt Nam đã có những thay đổi đáng chú ý, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu của ngành này. Ngày 2 tháng 4 năm 2025, chính quyền Tổng thống Trump công bố áp dụng mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm dệt may. Mức thuế này dự kiến có hiệu lực từ ngày 9 tháng 4 năm 2025. Tuy nhiên, vào ngày 09/04/2025, chính quyền Mỹ đã thông báo hoãn áp dụng các mức thuế đối ứng này trong 90 ngày, trong khi mức thuế cơ bản 10% vẫn được duy trì. Theo Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), EU cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99% dòng thuế từ Việt Nam trong vòng 7 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2020. Cụ thể, đối với sản phẩm dệt may, EU đã loại bỏ thuế nhập khẩu đối với vải dệt ngay khi hiệp định có hiệu lực, và cam kết xóa bỏ thuế đối với các sản phẩm may mặc trong vòng 7 năm. Tuy nhiên, để được hưởng ưu đãi thuế quan, các sản phẩm dệt may xuất khẩu sang EU phải đáp ứng quy tắc xuất xứ, yêu cầu sử dụng vải sản xuất tại Việt Nam hoặc EU. Ngoài việc phải chủ động tăng nguồn cung, tiêu chuẩn cao hơn từ nguyên liệu đầu vào thì đối thủ cạnh tranh đến từ các nước cũng thuộc khu vực miễn thuế cũng là một mối lo ngại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Mặc dù được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành dệt may của Việt Nam cũng như đối với TNG. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3.1 Rủi ro về cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với 4 – 5% thị phần và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất. Tuy nhiên, ngành dệt may nước ta vẫn chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công, mang lại giá trị gia tăng thấp. TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung vẫn

đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia có trình độ công nghệ và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh và tiến độ hợp đồng.

3.2 *Rủi ro về thị trường*

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Hiện tại, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất của dệt may Việt Nam chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật,... từ các thị trường này. Tính đến tháng 4 năm 2025, ngành dệt may Việt Nam đang đối mặt với nhiều rủi ro tại thị trường Mỹ do chính sách thuế quan mới và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các quốc gia khác. Ngày 9/4/2025, Mỹ chính thức áp dụng mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm dệt may. Đây là mức thuế cao chưa từng có, gây áp lực lớn lên các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Mặc dù Tổng thống Mỹ đã thông báo tạm dừng áp thuế trong 90 ngày và giảm thuế xuống 10% trong giai đoạn này để tiếp tục đàm phán, nhưng nguy cơ áp dụng mức thuế cao vẫn hiện hữu, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và lợi nhuận của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam tăng trong năm vừa qua, các doanh nghiệp trong ngành dệt may đang phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn đến từ các thị trường xuất khẩu chính như yêu cầu khắt khe về chất lượng đơn hàng, thời gian giao hàng gấp rút ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và chi phí; giá nguyên liệu đầu vào tăng cao; cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia có chi phí lao động thấp hơn như Bangladesh và Ấn Độ,... Ngoài ra, còn có những đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ nhiều chính sách khác của nhãn hàng, như phát triển bền vững, xanh hóa, tiết kiệm năng lượng hay giảm khí thải.

Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

3.3 *Rủi ro về nguyên vật liệu*

TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may trong nước nói chung tiếp tục đối mặt với hạn chế lớn của ngành là thiếu nguyên liệu, phụ liệu. Đa phần nguyên phụ liệu phục vụ cho sản

xuất vẫn phải nhập khẩu. Tính đến nay, ngành dệt may mới chỉ nội địa hóa được khoảng gần 50% nguồn nguyên phụ liệu xuất nên giá trị thặng dư của ngành còn thấp. Cụ thể, hiện nay ngành mới chỉ đáp ứng được 2% nhu cầu bông và 1/8 nhu cầu vải. Tuy nhiên, chất lượng lại chưa thể được đảm bảo. Mặc dù tỷ lệ nội địa hóa đang được dần cải thiện nhưng vẫn còn kém xa so với Trung Quốc (95%) và Ấn Độ (90%).

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của TNG thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của TNG. Trong thời gian qua, TNG đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này như: mua từ nhiều nhà cung cấp, mua dự trữ.

3.4 Rủi ro tỷ giá

Doanh thu chủ yếu của TNG đến từ hoạt động gia công xuất khẩu các sản phẩm may mặc, nguồn thu này chịu ảnh hưởng lớn của việc biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nguyên vật liệu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng được nhập phần lớn từ các đối tác nước ngoài. Do đó, việc biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng như hiệu quả kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3.5 Rủi ro về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với các doanh nghiệp dệt may. TNG xác định việc đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng công nhân là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và uy tín với khách hàng. Do đó, TNG đã thành lập và phát triển Trung tâm đào tạo TNG để đào tạo trực tiếp, đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhân lực của TNG. Bên cạnh đó, TNG cũng chú trọng đến những điều kiện phúc lợi cho cán bộ công nhân viên như cung cấp ký túc xá cho công nhân, tài trợ 100% bảo hiểm thân thể, hỗ trợ cán bộ công nhân viên đi lại bằng xe buýt của TNG, và xây dựng các nhà trẻ tại các khu vực có nhà máy của TNG. Công ty xác định đây là một trong những biện pháp hạn chế rủi ro về nhân lực bền vững và lâu dài.

4. Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát hoạt động công ty trong các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ

Chức Đăng Ký Niêm Yết.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Văn Thời

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trần Minh Hiếu

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hà

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Đào Đức Thanh

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn

Đại diện được ủy quyền:

Bà Lê Thị Thu Hiền Chức vụ: **Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư**

(Theo Giấy ủy quyền số 59/2022/MBS-UQ ngày 8 tháng 7 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 02B/2023/MBS/IBHN-HĐTV ngày 30 tháng 05 năm 2023 với Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

- **“Các Bên Bảo Đảm/Bên Bảo Đảm”**: là tất cả các tổ chức/cá nhân khác sử dụng tài sản của mình làm Tài Sản Bảo Đảm cho Trái Phiếu với điều kiện là việc lựa chọn các tổ chức/cá nhân đó làm Bên Bảo Đảm phải được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, và thuật ngữ “Bên Bảo Đảm” có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số Các Bên Bảo Đảm. Để làm rõ, Bên Bảo Đảm ban đầu của gói Trái Phiếu là Ông Nguyễn Văn Thời, địa chỉ: Tổ 3, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; căn cước công dân số 034058017581 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 28/09/2021.
- **“Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu” hoặc “Các Điều Kiện Trái Phiếu”**: là các điều khoản, điều kiện của Trái phiếu TNGH2428001, được thông qua tại Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 1106.02/QĐ-CTHĐQT ngày 11/06/2024.
- **“Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”**: là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu.
- **“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu”**: là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- **“Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu”** có nghĩa là Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu 01/2024/MBS/IBDCM-HĐCCCP ngày 11 tháng 06 năm 2024 giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và Bên Bảo Đảm.
- **“Kỳ Hạn Trả Lãi” hoặc “Kỳ Tính Lãi”**: có nghĩa là thời hạn 03 (ba) tháng liên tục bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành (hoặc Ngày Thanh Toán Lãi) cho tới (nhưng không bao gồm) (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên (hoặc Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo) hoặc (ii) Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn (tùy trường hợp áp dụng).
- **“Lãi Suất Tham Chiếu”**: là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- **“Ngày Làm Việc”**: là bất kỳ ngày nào trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, Tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc đóng cửa theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- **“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng” hoặc “Ngày Chốt Danh Sách”:**
 - (i) Ngày Làm Việc thứ 08 (tám) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác liên quan đến Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng); Sau khi trái phiếu được đăng ký tại VSDC, Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xác định trên cơ sở phù hợp với quy định của VSDC và pháp luật.
 - (ii) Ngày Làm Việc được quy định tại thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- **“Ngày Đáo Hạn”:** là ngày tròn 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- **“Ngày Phát Hành”:** có nghĩa là ngày nộp tiền mua cuối cùng theo thông báo của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
- **“Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn”:** có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- **“Ngày Thanh Toán Lãi”:** là ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Hạn Trả Lãi.
- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** đối với các Kỳ Tính Lãi sau 04 Kỳ Tính Lãi Đầu Tiên là Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó 08 (tám) Ngày Làm Việc.
- **“Nghị Định 155”:** có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- **“Người Sở Hữu Trái Phiếu” hoặc “Nhà Đầu Tư”:** là người mua, hoặc nhận chuyển nhượng quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).
- **“Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm”:** có nghĩa là bất kỳ tổ chức khác thực hiện công việc quản lý tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo Trái phiếu.
- **“Văn Kiện Trái Phiếu”:** có nghĩa là bất kỳ hoặc bao gồm các văn kiện sau đây:
 - (i) Bản Cáo Bạch, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu (Các Điều Kiện Trái Phiếu);
 - (ii) Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng;
 - (iii) Các Hợp Đồng Bảo Đảm;

- (iv) Hợp Đồng Người Đại Diện Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và những Người Sở Hữu Trái Phiếu (cùng các bên khác) đối với các Trái Phiếu và được các bên công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (vi) bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các đoạn từ (i) đến (v) trên đây.

2. Các nhóm từ viết tắt

BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
BSCI	: Bộ Tiêu chuẩn Đánh giá Tuân thủ Trách nhiệm Xã hội trong Kinh doanh
BTW	: Chứng chỉ BetterWork (Chứng chỉ về Trách nhiệm xã hội)
CAGR	: Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound annual growth rate)
CBCNV	: Cán bộ, công nhân viên
CBTT	: Công bố thông tin
CMT	: Phương thức sản xuất ngành dệt may Cut-Make-Trim
Công ty/TNG	: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
CPTPP	: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
DTT	: Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	: Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
ĐVT	: Đơn vị tính
ERP	: Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
EVFTA	: Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam
FOB	: Phương thức sản xuất ngành dệt may Free-On-Board
FTA	: Hiệp định thương mại tự do
Giấy CNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐ	: Hợp đồng
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
KD-KHSX	: Kinh doanh - Kế hoạch sản xuất

KD-SX	: Kinh doanh – Sản xuất
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
KT-CL-CN	: Kiểm tra - Chất lượng – Công nghệ
MBS	: Công ty cổ phần Chứng khoán MB
ODM	: Nhà sản xuất thiết kế gốc (Original Design Manufacturer)
RCEP	: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
SGDCK	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán
5S	: Phương pháp quản lý, sắp xếp nơi làm việc
QLCL	: Quản lý chất lượng
QLTB	: Quản lý thiết bị
TSCĐ	: Tài sản cố định
TTCK	: Thị trường chứng khoán
Thuế TNDN	: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
TCHC	: Tổ chức hành chính
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
VITAS	: Hiệp hội dệt may Việt Nam
WAP	: Chứng chỉ Wrap (Chứng chỉ về Trách nhiệm xã hội)
XNK	: Xuất nhập khẩu

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG
- Tên viết tắt: TNG
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN: Số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 30/07/2024
- Trụ sở chính: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 02083 858 508
- Vốn điều lệ và vốn thực góp: 1.226.012.060.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm hai mươi sáu tỷ không trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) – Mã ngành 1410
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu: TNG
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

❖ Giai đoạn 1979 đến 2003: thời kỳ Doanh nghiệp Nhà nước

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/1/1980, với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm của Xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.
- Ngày 07/5/1981, theo Quyết định số 124/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái, Xí Nghiệp May Bắc Thái đã sáp nhập Trạm May mặc Gia công vào Xí nghiệp, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng và năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên.
- Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó số vốn hoạt động của Công

ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.

- Năm 1992, Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
- Năm 1997, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty may Thái Nguyên với tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm 1997, Công ty liên doanh với Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty May Liên doanh Việt Thái với số vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.
- Năm 2000, Công ty là thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).
- ❖ **Giai đoạn 2003 đến 2007: giai đoạn sau cổ phần hóa, chuẩn bị niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán**
 - Ngày 02/01/2003, Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002.
 - Năm 2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.
 - Ngày 18/03/2007, Công ty tăng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.
 - Ngày 17/05/2007, Công ty đã đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - Ngày 28/08/2007, Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến, biểu quyết bằng văn bản quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
 - Ngày 14/11/2007, Công ty được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu. Ngày 22/11/2007, cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chính thức niêm yết trên HNX với mã giao dịch TNG.
- ❖ **Giai đoạn 2008 đến 2020: giai đoạn phát triển, đầu tư công nghệ và khẳng định thương hiệu**
 - Năm 2008, Công ty được Tập đoàn dệt may Việt Nam tặng cờ thi đua.
 - Năm 2009, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng II.
 - Tháng 04 năm 2010, Công ty khởi công xây dựng thêm nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng với 64 chuyên may và thu hút thêm trên 4.000 lao động vào làm việc.

- Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng.
 - Ngày 13/06/2011, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
 - Ngày 31/12/2012, Giai đoạn 2 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
 - Ngày 28/11/2014, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán 7.156.892 cổ phiếu (Phát hành ra công chúng, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu) nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.
 - Tháng 2/2015, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Đại Từ đi vào hoạt động.
 - Tháng 7/2015, Hoàn thiện đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bông đi vào hoạt động.
 - Năm 2016: Khánh thành đưa vào hoạt động Trung tâm thiết kế thời trang TNG và văn phòng làm việc của Công ty.
 - Năm 2018: Thành lập Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 8 chuyên may.
 - Năm 2019: Khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 16 chuyên may.
 - Năm 2020: Nhà máy TNG Võ Nhai triển khai theo mô hình nhà máy xanh; TNG vinh dự đạt chứng nhận Doanh nghiệp Bền vững năm 2020 – lĩnh vực sản xuất.
- ❖ **Giai đoạn 2021-hiện nay: Đạt chứng nhận Doanh nghiệp bền vững năm 3 năm liên tiếp lĩnh vực sản xuất**
- Năm 2021 và năm 2022, TNG vinh dự đạt chứng nhận Doanh nghiệp bền vững – Lĩnh vực sản xuất: TNG ra mắt các sản phẩm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người, lắp đặt, nâng cấp Nhà máy sử dụng hệ thống điện mặt trời áp mái (chi nhánh Bông và Bao bì), xây dựng Nhà máy xanh đạt chuẩn LOTUS.
 - Trong năm 2021 và năm 2022, TNG là một trong 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm.
 - Ngày 01/02/2022, Công ty thành lập chi nhánh giải pháp công nghệ Tre với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may.
 - Tháng 4/2022, phòng Robot TNG được thành lập với đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ đã cho ra đời 25 thiết kế với 10 máy móc tự động đã được áp dụng tại nhiều chi nhánh.
 - Tháng 6/2022: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần TNG Land, hoạt động về lĩnh vực Bất động sản.
 - Năm 2022, TNG được vinh danh nhiều giải thưởng như: Top 5 doanh nghiệp quản trị tốt nhất năm 2021-2022 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trao tặng, Top 10 doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2022 – lĩnh vực sản xuất do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam trao tặng, top 10 báo cáo thường niên tốt nhất năm 2022 do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) bình chọn.

- Năm 2023: doanh thu tiêu thụ đạt 7.095 tỷ đồng, tương đương tăng 4,74% so với cùng kỳ hoàn thành 104% kế hoạch năm 2023. Tháng 5/2023: Thành lập Chi nhánh Công nghệ tự động hóa TOT. Tháng 7/2023: Chuyển nhà máy TNG Việt Thái về cụm công nghiệp Sơn Cẩm với quy mô 32 chuyển may.
- Năm 2024: doanh thu tiêu thụ đạt 7.656 tỷ đồng, tăng 7,9% so với năm 2023, đạt 96,9% kế hoạch đề ra năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 314,8 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm 2023, hoàn thành 101,6% kế hoạch đề ra năm 2024.
- Đến nay TNG có 20 chi nhánh (trong đó có 15 chi nhánh dệt thoi, 2 chi nhánh phụ trợ và 2 chi nhánh phần mềm & công nghệ, 1 chi nhánh kiểm định chất lượng) và 3 công ty liên doanh liên kết. Sản phẩm của TNG đã được xuất khẩu sang hơn 54 quốc gia và vùng lãnh thổ. TNG hiện đang sở hữu khối tài sản hơn 5.817 tỷ đồng, được xếp hạng “TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và “TOP 10 doanh nghiệp lớn nhất ngành dệt may Việt nam”.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002. Ngày 02/01/2003, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Vốn điều lệ của Công ty ban đầu khi cổ phần hóa là 10 tỷ đồng. Từ đó đến nay Công ty đã trải qua các lần tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty

Nguồn: TNG

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2006	10.000	8.000	18.000	800.000	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành 600.000 cổ phiếu thường, tỷ lệ phát hành 10:6 từ nguồn vốn thực hiện là lợi nhuận để lại và các quỹ từ năm 2003 đến 2006. Phát hành 200.000 cổ phiếu cho đồng hiện hữu. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 13/08/2006 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2006 cho công ty
18/03/2007	18.000	36.300	54.300	3.630.000	Phát hành ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/03/2007 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/04/2007 cho công ty
27/01/2010	54.300	32.575,5	86.875,5	3.257.550	<ul style="list-style-type: none"> Tạm ứng cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1, số lượng cổ phiếu phát hành thêm là: 542.550 cổ phiếu Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 Ngày 4/1/2010, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 489/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/5/2010 cho công ty
10/12/2010	86.875,5	47.737,75	134.613,25	4.773.775	Phát hành ra công chúng: - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25/4/2010 Ngày 10/12/2010, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					- Phát hành 430.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ quản lý trong công ty	cổ phiếu ra công chứng số 759/UBCK-GCN cho Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chứng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó: 4.343.775 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; 430.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ quản lý trong công ty - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/2/2011 cho công ty
12/06/2014	134.613,25	13.460,9	148.074,15	1.346.090	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2014 - Nghị quyết HĐQT số 300/NQ-HĐQT ngày 7/5/2014 - Ngày 20/05/2014, công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Ngày 12/6/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Báo cáo kết quả phát hành số 541/TNG-BC ngày 11/6/2014 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 23/6/2014 cho công ty
26/12/2014	148.074,15	14.805,31	162.879,46	1.480.531	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết HĐQT số 560/NQ-HĐQT ngày 13/4/2014 - 18/12/2014 công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Ngày 26/12/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (theo báo cáo kết quả phát hành số 800/TNG-BC ngày 23/12/2014) của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 12/1/2015 cho Công ty
09/02/2015	162.879,46	56.546,23	219.425,69	5.654.623	<p>Phát hành cổ phiếu cho người lao động: 718.813 cổ phần</p> <p>Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 3:1, giá 10.000 đồng/cổ phiếu: 4.935.804 cổ phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 247/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/4/2014 Nghị quyết HĐQT số 545/NQ-HĐQT ngày 30/9/2014 Nghị quyết HĐQT số 532/NQ-HĐQT ngày 4/9/2014 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 109/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 11 năm 2014 Ngày 9/2/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên ngày 6/3/2015 cho Công ty
20/11/2015	219.425,69	21.939,16	241.364,85	2.193.916	Tam ứng cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 Ngày 20/11/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành số 1703/TNG-BC ngày 16/11/2015) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 cho công ty với vốn điều lệ là 241.364.850.000 đồng

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
15/01/2016	241.364,85	54.856,42	296.221,27	5.485.642	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 4:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT 10/NQ-HQQT ngày 9/9/2015 - Nghị quyết HĐQT số 01A/NQ-HQQT ngày 8/1/2016 - Nghị quyết HĐQT 01/NQ-HQQT ngày 8/1/2016 - Ngày 23/10/2015, UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 86/GCN-UBCK; - Ngày 15/1/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/1/2016) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 cho công ty với vốn điều lệ là 296.221.270.000 đồng
06/09/2016	296.221,27	46.428,51	342.649,78	4.642.851	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ 10:1, Số lượng cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: 2.961.745 cổ phiếu. - Phát hành cổ phiếu cho người lao động 1.481.106 - Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của CTCP Thời trang TNG 200.000 cổ phiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội đồng quản trị 05A-TNG-HĐQT ngày 7/6/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08A-TNG ngày 24/8/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10A/NQ-HĐQT ngày 22/8/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 9A/NQ-HQQT ngày 14/7/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016;

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Ngày 6/9/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 9051-TNG ngày 5/9/2016, báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 826A-TNG ngày 26/8/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG số 9052-TNG ngày 5/9/2016 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 30/9/2016 cho Công ty
12/07/2017	342.649,78	68.523,13	411.172,91	6.852.313	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện 5:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 656C/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; Nghị quyết Hội đồng quản trị 03A-TNG ngày 18/05/2017; Ngày 12/7/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 số 1607/TNG-CBTT ngày 10/7/2017 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã phát hành thành công 6.852.313 cổ phiếu. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 27/07/2017 cho Công ty
03/07/2018	411.172,91	82.228,89	493.401,8	8.222.889	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện 5:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; Nghị quyết Hội đồng quản trị 897/NQ/TNG-HĐQT ngày 10/05/2018;

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 3/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 1462/CV-TNG ngày 2/7/2018 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.222.889 cổ phiếu; - Ngày 27/07/2018, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 cho công ty với vốn điều lệ là 493.401.800.000 đồng
12/03/2019	493.401,8	24.670,09	518.071,89	2.467.009	Phát hành cổ phiếu cho người lao động 2.467.009 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 344/NQHĐQT-TNG ngày 27/02/2019; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 70/NQHĐQT-TNG ngày 15/01/2019; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2888/NQHĐQT-TNG ngày 6/12/2018; - Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu; - Ngày 05/04/2019, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 cho Công ty với vốn điều lệ là 518.071.890.000 đồng.
24/06/2019	518.071,89	103.608,09	621.679,98	10.360.809	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					lệ thực hiện 5:1	<p>859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội đồng quản trị 933/NQHĐQT-TNG ngày 03/05/2019; - Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTCP Dầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu. - Ngày 04/07/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 cho công ty với vốn điều lệ là 621.679.980.000 đồng.
13/12/2019	621.679,98	30.434,78	652.114,76	3.043.478	Phát hành 3.043.478 cổ phiếu bằng TP chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018, thành cổ phần phổ thông; - Nghị quyết HĐQT số 2433/NQ-NQHĐQT ngày 30/10/2019. - Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số 2823CV/TNG ngày 12/12/2019 của Công ty cổ phần Dầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành 3.043.478 cổ phiếu - Ngày 09/01/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 cho công ty với vốn điều lệ là 652.114.760.000 đồng
24/07/2020	652.114,76	52.157,84	704.272,6	5.215.784	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1461/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2020 - Nghị quyết Hội đồng quản trị 1528/NQ-HĐQT ngày 27/5/2020

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Ngày 24/7/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2089/CV-TNG ngày 20/7/2020 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.215.784 cổ phiếu. Ngày 11/08/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 cho công ty với vốn điều lệ là 704.272.600.000 đồng
26/08/2020	704.272,6	35.687,45	739.960,05	3.568.745	Phát hành 3.586.745 cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020 Ngày 26/08/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 2) số 2475CV/2020TNG ngày 24/08/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 38 trái phiếu thành 3.568.745 cổ phiếu. Ngày 30/9/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31 cho công ty với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng
10/03/2021	739.960,05	55.409,46	795.369,51	5.540.946	Phát hành 5.540.946 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020; Ngày 26/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 3) số 540 CV/TNG ngày 10/03/2021 và

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 59 trái phiếu thành 5.540.946 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 13/08/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 cho công ty với vốn điều lệ là 795.369.510.000 đồng</p>
13/10/2021	795.369,51	63.618,28	858.987,79	6.361.828	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 1046/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2021;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3602/2021/NQ-HĐQT ngày 18/08/2021;</p> <p>- Ngày 13/10/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 3569/CV-TNG ngày 08/10/2021 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 6.361.828 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 27/10/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 33 cho công ty với vốn điều lệ là 858.987.790.000 đồng.</p>
15/11/2021	858.987,79	68.000	926.987,79	6.800.000	Phát hành 6.800.000 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 021121/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021;</p> <p>- Ngày 30/11/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 4) số 3966/CV-TNG ngày 23/11/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 68</p>

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						trái phiếu thành 6.800.000 cổ phiếu. - Ngày 10/12/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 34 cho công ty với vốn điều lệ là 926.987.790.000 đồng
03/06/2022	926.987,79	74.133,72	1.001.121,51	7.413.372	Phát hành 7.413.372 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2022; - Nghị quyết số 1069/NQ-HĐQT ngày 27/04/2022 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Công văn số 2834/UBCK-QLCB ngày 17/05/2022 về việc phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 1590/CV-TNG ngày 08/06/2022 của TNG; - Công văn số 3876/UBCK-QLCB ngày 21/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả trả cổ tức bằng cổ phiếu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 đăng ký thay đổi lần thứ 35 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/06/2022
13/09/2022	1.001.121,51	50.056,07	1.051.177,58	5.005.607	Phát hành cổ phiếu cho người lao động: 5.005.607 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1855/NQ-HĐQT ngày 11/07/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2020/NQ-HĐQT ngày 01/08/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2323/NQ-HĐQT ngày 05/09/2022;

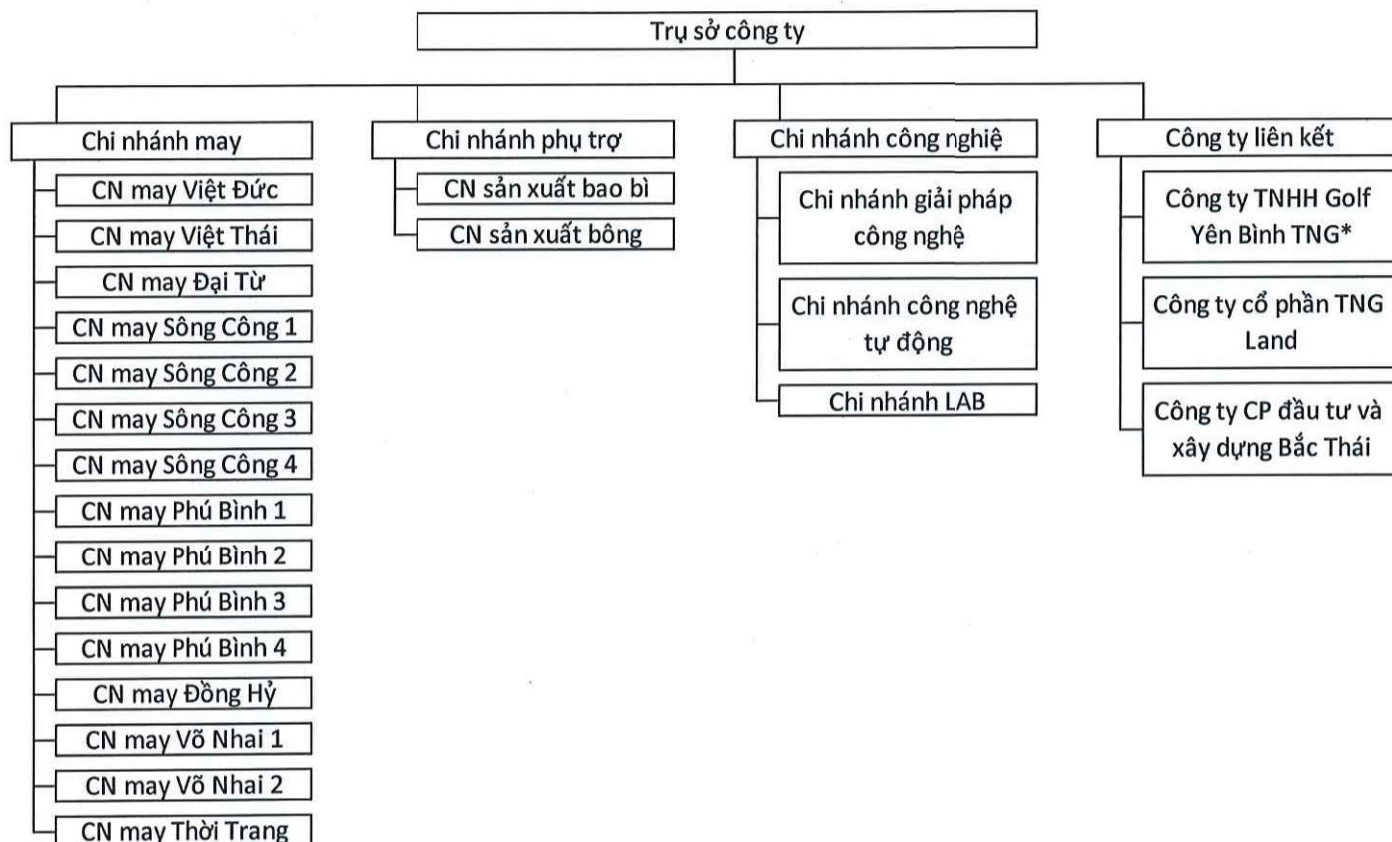
Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Ngày 13/09/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 số 2375/CV-TNG ngày 13/9/2022 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.005.607 cổ phiếu; Ngày 22/09/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 36 cho công ty với vốn điều lệ là 1.051.177.580.000 đồng.
05/07/2023	1.051.177,58	84.052,44	1.135.230,02	8.405.244	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện: 100:8	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 505/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2023; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 507/NQ-HĐQT ngày 23/04/2023; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 523/NQ-HĐQT ngày 03/05/2023; Ngày 05/07/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 643/CV-TNG ngày 26/06/2023 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.405.244 cổ phiếu; Ngày 19/07/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 37 cho công ty với vốn điều lệ là 1.135.230.020.000 đồng.
26/07/2024	1.135.230,02	90.782,04	1.226.012,06	9.078.204	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ thực hiện: 100:8	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 190/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2024; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 199/NQ-HĐQT ngày

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>24/04/2024;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 26/07/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 434/CV-TNG ngày 19/07/2024 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 9.078.204 cổ phiếu; - Ngày 30/07/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 38 cho công ty với vốn điều lệ là 1.226.012.060.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hiện nay, TNG sở hữu 20 chi nhánh (15 chi nhánh may, 2 chi nhánh phụ trợ, 1 chi nhánh công nghệ thông tin, 1 chi nhánh tự động hóa và 1 chi nhánh kiểm định chất lượng), và 03 công ty liên kết.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: TNG

Ghi chú:

(*) Công ty liên kết của Công ty chưa đi vào hoạt động và đang tạm dừng hoạt động kinh doanh.

Tính đến thời điểm hiện tại Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG chưa thực hiện việc góp hoặc góp vốn chưa đủ vào Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG đang làm thủ tục giải thể, dự kiến sau khi các thành viên góp vốn thống nhất phương án sẽ tiến hành thủ tục đăng ký giải thể theo quy định trong năm 2025. Ngày 8/1/2024, Hội đồng quản trị TNG đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo Nghị quyết số 783/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2024, nhằm thực

hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2024, Hội đồng quản trị TNG đã thông qua việc góp vốn vào công ty liên kết trong phạm vi cam kết góp vốn khi thành lập doanh nghiệp để đủ điều kiện thực hiện giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG theo quy định của pháp luật, theo đó số vốn TNG sẽ thực góp là 29.400.000 VNĐ để đảm bảo đủ điều kiện giải thể doanh nghiệp. Do công ty này chưa đi vào hoạt động và TNG dự kiến thực hiện góp vốn vào công ty là 29.400.000 đồng nên doanh thu, lợi nhuận và nguồn tiền thanh toán gốc lãi Trái Phiếu của TNG không bị ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng không đáng kể bởi việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

```

graph TD
    A[Đại hội đồng cổ đông] --- B[Hội đồng quản trị]
    B --- C[Tổng giám đốc]
    C --- D[Ủy ban kiểm toán]
    C --- E[Ban KTMB]
    C --- F[Ban kiểm tra tuân thủ]
    C --- G[Khối nhân sự]
    C --- H[Khối kinh doanh]
    C --- I[Khối KT - CN - CL]
    C --- J[Khối tài chính]
    D --- D1[Tiểu ban kiểm tra tuân thủ]
    D --- D2[Tiểu ban KT - CN - CL]
    D --- D3[Tiểu ban nhân sự]
    E --- E1[Tiểu ban tài chính]
    E --- E2[Tiểu ban KD - SX]
    E --- E3[Tiểu ban KT - CN - CL]
    E --- E4[Tiểu ban nhân sự]
    F --- F1[Phòng TCHC]
    F --- F2[Phòng truyền thông]
    F --- F3[Phòng bảo hộ an toàn vệ sinh LĐ]
    G --- G1[Phòng KD - KHSX]
    G --- G2[Phòng XNK]
    H --- H1[Phòng KT - CN - CL]
    H --- H2[Phòng KD - KHSX]
    H --- H3[Phòng XNK]
    I --- I1[Trung tâm đào tạo]
    I --- I2[Phòng QL QL]
    I --- I3[Phòng công nghệ]
    J --- J1[Phòng QL TB]
    J --- J2[Chỉ nhánh giải pháp công nghệ]
    J --- J3[Chỉ nhánh công nghệ tự động]
    C --- K[Chỉ nhánh sản xuất]
    C --- L[CN Viết Đức]
    C --- M[CN Viết Thái]
    C --- N[CN Đại Từ]
    C --- O[CN Sóng Cống 1]
    C --- P[CN Sóng Cống 2]
    C --- Q[CN Sóng Cống 3]
    C --- R[CN Sóng Cống 4]
    C --- S[CN Phú Bình 1]
    C --- T[CN Phú Bình 2]
    C --- U[CN Phú Bình 3]
    C --- V[CN Phú Bình 4]
    C --- W[CN Đồng Hỷ]
    C --- X[CN Võ Nhai 1]
    C --- Y[CN Võ Nhai 2]
    C --- Z[CN Thời trang]
  
```

MBS *Tổ chức tư vấn*
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3.2 Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có từ 5 đến 11 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình và giải thể công ty con; quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3.3 Ủy Ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Ủy ban kiểm toán có quyền và trách nhiệm như sau:

- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

3.4 Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Quyết định tất cả các vấn đề phát sinh hàng ngày trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, đại diện Công ty ký kết hợp đồng tín dụng, Hợp đồng kinh tế theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

3.5 Các phòng ban

3.5.1 Ban kiểm tra tuân thủ

Ban kiểm tra tuân thủ có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Cập nhật và xây dựng các văn bản nội bộ liên quan đến công tác quản trị rủi ro tại công ty;
- Tổ chức đào tạo, truyền thông, chia sẻ kiến thức về quản trị rủi ro doanh nghiệp;
- Nhận diện, đánh giá rủi ro, gắn liền với mục tiêu chiến lược, kinh doanh của công ty;
- Đầu mối triển khai quy trình quản lý rủi ro bao gồm nhận diện, đánh giá, xử lý và báo cáo rủi ro đối với các hoạt động của công ty;
- Cập nhật, truyền thông các nội dung pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tư vấn pháp lý, bao gồm thẩm định hệ thống văn bản nội bộ, hợp đồng, giải quyết các sự vụ khiếu nại, tố tụng, tranh chấp liên quan đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
- Cập nhật, xây dựng các tài liệu nội bộ về kiểm soát tuân thủ các hoạt động công ty;
- Triển khai kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ trong hoạt động của các phòng ban, đơn vị của công ty theo Điều lệ, quy định, quy trình nội bộ;
- Báo cáo định kỳ về công tác tuân thủ định kỳ và các chỉ số quản trị về tuân thủ cho Ban lãnh đạo công ty.

3.5.2 Chi nhánh Công nghệ tự động

Chi nhánh Công nghệ tự động có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Thiết kế và chế tạo Máy tự động (Automatic / LciA / Semi Auto / AGV / Logistics / Handling ...);
- Thiết kế và tích hợp hệ thống tự động hóa, Robots system, Smart Factory (4.0);
- Cài tạo, nâng cấp máy móc, dây chuyền sản xuất;
- Tư vấn, thiết kế và chế tạo JIG và đồ gá lắp ráp tự động.

3.5.3 Phòng tổ chức hành chính

Phòng tổ chức hành chính có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Quản trị các thông tin quá trình làm việc của người lao động từ khi vào công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị hệ thống công, tiền lương toàn công ty;
- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
 - Bộ hướng dẫn hồ sơ chuẩn bị đánh giá;
 - Tiêu chí về đánh giá trách nhiệm xã hội;
 - Tiêu chí về đánh giá an ninh chống khủng bố;
- Kiểm soát và duy trì việc thực hiện đánh giá khách hàng đảm bảo các đánh giá luôn trong trạng thái còn hạn và đảm bảo yêu cầu của khách hàng;
- Kiểm soát định biên nhân sự, đảm bảo lao động theo giao kế hoạch doanh số sản xuất của Công ty;
- Đánh giá chất lượng làm việc theo tiêu chí định lượng cụ thể từ khi người lao động vào học việc/đào tạo tại công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Xây dựng quy trình đào tạo để nâng cao năng lực làm việc cho người lao động từ khi người lao động vào học việc/đào tạo đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị toàn bộ các chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra trên hệ thống phần mềm đào tạo;
- Xây dựng quy trình và kiểm tra giám sát thực hiện chế độ quyền lợi và các phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước, pháp luật;
- Xây dựng chính sách tạo động lực làm việc cho người lao động (thi đua khen thưởng, kỷ luật);
- Thực hiện công tác hành chính quản trị Văn phòng công ty;
- Thực hiện công tác an ninh, bảo vệ đảm bảo an toàn an ninh trật tự tại các nhà máy;
- Thực hiện công tác đánh giá cán bộ định kỳ theo quy định;
- Chịu trách nhiệm tham mưu đề xuất công tác cán bộ từ cấp Phó Giám đốc chi nhánh trở xuống.

3.5.4 Phòng Truyền thông

Phòng Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Xây dựng mối quan hệ với giới truyền thông và các bên liên quan;
- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng và duy trì, phát triển mối quan hệ với công chúng (tiếp nhận thông tin từ phía khách hàng, công chúng, sau đó chuyển các bộ phận có liên quan xử lý);
- Đưa ra các phương án xử lý khi xảy ra khủng hoảng truyền thông (khi có các thông tin, ý kiến truyền thông tiêu cực ảnh hưởng đến Công ty);
- Quản lý và tuyên truyền các hoạt động của công ty trên các phương tiện truyền thông nội bộ (tranh, ảnh, pa-nô, áp-phích, fanpage công ty, trang web công ty);
- Quản lý và tuyên truyền các hoạt động của công ty trên các phương tiện truyền thông bên ngoài, đối tác truyền thông bên ngoài, tham mưu ký kết và giám sát các hợp đồng truyền thông bên ngoài;
- Thực hiện các video clip phục vụ các hoạt động tuyển dụng, quảng bá, truyền thông hình ảnh của công ty;
- Tổ chức các sự kiện của công ty, truyền thông, quảng bá hình ảnh của công ty thông qua sự kiện.

3.5.5 Phòng kinh doanh – kế hoạch sản xuất

Phòng kinh doanh – kế hoạch sản xuất gồm hai nhóm là nhóm kinh doanh và nhóm kế hoạch sản xuất với chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:

❖ Nhóm Kinh doanh

- Đáp ứng đủ đơn hàng cho các nhà máy sản xuất liên tục, ổn định theo kế hoạch HDQT giao;
- Khai thác và phát triển khách hàng mới theo định hướng chiến lược khách hàng của Công ty;
- Quản lý khách hàng của từng chi nhánh đảm bảo việc khai thác khách hàng theo định hướng và tỷ lệ từng khách hàng;
- Thẩm định giá thành phương án kinh doanh (P1) trên phần mềm và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (Doanh thu, Doanh số);
- Đánh giá các nhà cung cấp và khách hàng đảm bảo phòng tránh rủi ro cho sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát Cân đối nguyên phụ liệu, kiểm soát đặt mua nguyên phụ liệu theo phương án kinh doanh;
- Kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện quyết toán mã hàng P3, kiểm soát nguyên phụ liệu thành phẩm tồn kho sau sản xuất là thấp nhất;
- Kiểm soát số lượng xuất hàng thừa thiếu;

- Theo dõi, báo cáo thực hiện hợp đồng (Số lượng xuất hàng thừa thiếu theo phương án kinh doanh);
- Theo dõi và đôn đốc công nợ phải thu.

❖ **Nhóm Kế hoạch sản xuất**

- Tham mưu việc xây dựng kế hoạch giao khoán năm của công ty và giám sát thực hiện cân đối năng lực, giao khoán kế hoạch sản xuất theo tháng, năm của từng chi nhánh;
- Giám sát việc dàn chuyên chi tiết, lập kế hoạch sản xuất chi tiết theo từng PO của từng mã hàng theo kế hoạch giao hàng của khách hàng;
- Tổng hợp theo dõi tiến độ sản xuất, tiến độ giao hàng theo kế hoạch giao hàng theo từng PO, mã hàng các chi nhánh;
- Lập báo cáo phân tích năng suất lao động, đề xuất các giải pháp tăng năng suất lao động;
- Báo cáo phân tích và đánh giá chỉ số thực hiện về tỷ lệ giao hàng sớm/đúng hạn/muộn;
- Theo dõi sản xuất, báo cáo theo dõi cân bằng chuyên hàng ngày theo từng mốc giờ;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu doanh số sản xuất;
- Giám sát thực hiện quy trình sản xuất đối với các chi nhánh.

3.5.6 Phòng Xuất nhập khẩu

Phòng Xuất nhập khẩu có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu; làm hóa đơn, giấy chứng nhận xuất xứ, để hoàn thiện bộ hồ sơ đòi tiền khách hàng;
- Giao nhận hàng hóa, vận tải nội bộ cho các chi nhánh;
- Báo cáo quyết toán nguyên vật liệu nhập khẩu, thanh khoản hải quan đảm bảo việc quyết toán vật tư nhập khẩu theo quy định của hải quan. Báo cáo kim ngạch xuất/nhập khẩu, quản lý chi phí xuất, nhập khẩu, vận tải hàng hóa;
- Đảm bảo việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

3.5.7 Phòng công nghệ

Phòng công nghệ có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Phân tích bố trí công nghệ sản xuất chuyên may, đề xuất ứng dụng thiết bị công nghệ mới;
- Phân tích thao tác chuẩn, thời gian công nghệ chuẩn củng cố phần mềm tính đơn giá và xây dựng định mức giá thành chào hàng;
- Áp dụng công nghệ Lean cho sản xuất và phân tích hiệu quả của các sáng kiến cải tiến công nghệ;

- Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, dạy nghề;
- Xây dựng, tổ chức thi thợ may giỏi và nâng bậc;
- Xây dựng quy trình may mẫu, thiết kế mẫu đảm bảo đúng tiến độ giao hàng theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm soát giao việc, người lao động thực hiện kế hoạch hằng ngày;
- Xây dựng quy trình triển khai sản xuất sản phẩm;
- Đào tạo chuyên môn cho nhân viên mới bộ phận kỹ thuật công nghệ;
- Tham gia dự án Sam Pace - Decathlon;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm liên quan đến kỹ thuật - công nghệ.

3.5.8 Phòng quản lý chất lượng

Phòng quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

❖ Quản trị hệ thống đánh giá quản lý chất lượng (SQP)

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của công ty và tiêu chuẩn khách hàng;
- Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Đào tạo, giám sát các đơn vị, nhân viên (SQP) thực hiện theo quy trình hệ thống đánh giá quản lý chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

❖ Quản trị hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm (QA)

- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình của các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện theo quy trình khách hàng và công ty quy định;
- Phân tích chỉ số chất lượng và đưa cảnh báo đối với các đơn vị có nguy cơ rủi ro về chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng;
- Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số chất lượng của các chi nhánh, từng khách hàng, từng nhà cung cấp;
- Đào tạo, giám sát định kỳ cho các đơn vị, nhân viên QA/QC thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu chất lượng trên phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

❖ **Quản trị hệ thống Lab**

- Quản trị hệ thống Lab, xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý đạt theo tiêu chuẩn khách hàng tại công ty;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn test nguyên phụ liệu đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng, của ngành dệt may Việt Nam;
- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn Test cho các sản phẩm công nghệ, phù hợp với tiêu chuẩn ngành trong nước và quốc tế;
- Giám sát việc thực hiện quy trình của các phòng Lab thành viên tại các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và chất lượng mẫu Test (Thử nghiệm) theo quy trình Lab;
- Đảm bảo mẫu đạt tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn của khách hàng;
- Quản lý, vận hành trực tiếp phòng Lab (thử nghiệm) tại các khu vực Sông Công, Phú Bình;
- Đào tạo, giám sát định kỳ các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn khách hàng, công ty quy định;
- Phân tích chỉ số, chỉ tiêu, phương pháp Test và cập nhật các thông tin, theo định kỳ, theo tiêu chuẩn ngành;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu Lab trên phần mềm Module chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

3.5.9 Phòng quản lý thiết bị

Phòng quản lý thiết bị chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Quản lý máy móc thiết bị; phụ tùng; công cụ dụng cụ;
- Quản lý, vận hành hệ thống điện, trạm điện, máy phát; hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể chứa cháy; hệ thống điều hòa; hệ thống thang máy; hệ thống lò hơi; hệ thống máy nén khí ...
- Quản lý chi phí điện, nước, nhiên liệu;
- Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu suất sử dụng các loại máy móc thiết bị;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm;
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá nhà máy đạt tiêu chuẩn tự động hóa từ cấp độ bán tự động hóa trở lên và đánh giá phân tích hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất của từng chi nhánh và toàn công ty;
- Xây dựng lộ trình đầu tư bổ sung máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất để chi nhánh/công ty đạt tiêu chuẩn nhà máy tự động hóa;